

Ngành : Dầu khí (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Khuyến nghị

MUA

Tổng Công Ty Khí Việt Nam - CTCP (HSX: GAS) Tích cực trong dài hạn

Giá hiện tại:	90,400	Ngày viết báo cáo:	06/09/2021	Cơ cấu cổ đông	
Giá mục tiêu trước đây	110,200	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	1,914	VIETNAM OIL & GAS GR	95.8%
Giá mục tiêu mới:	109,400	Vốn hóa (tỷ đồng)	166,322	SUMITOMO MITSUI FINANCE	0.13%
Tỷ suất cổ tức	4.0%	Thanh khoản bình quân 6 tháng:	825,378	MIRAE ASSET GLOBAL	0.11%
Tiềm năng tăng giá	21%	Sở hữu nước ngoài	3.12%	DAIWA SECURITY GROUP	0.11%

Chuyên viên phân tích ngành:

Dương Quang Minh
(Dầu khí)

minhdq@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:

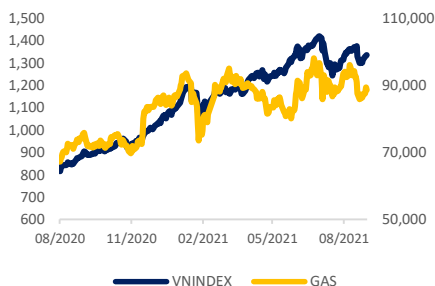
Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

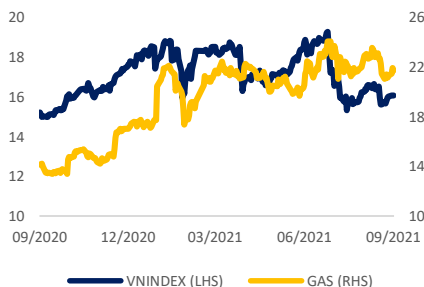
Giá khuyến nghị: 97,000 VND

Giá cắt lỗ: 88,000 VND

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Bảng so sánh P/E CP và VN index



Định giá

- Chúng tôi tiếp tục giữ khuyến nghị **MUA** với giá mục tiêu năm 2022 là **109,400 VND/CP** (+21% so với giá đóng cửa ngày 06/09/2021), tương đương với mức mức P/E mục tiêu 18x.

Dự báo kết quả kinh doanh

- BSC dự phóng DTT và LNST CT Công ty mẹ năm 2021 của GAS lần lượt đạt **74,989 tỷ VND (+17% yoy)** và **9,682 tỷ VND (+23% yoy)**, EPS FW = **5,059 VND/CP** với giả định (1) mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt bổ sung 1.5 tỷ m3 khí/năm (+16% sản lượng), (2) mỏ Sư Tử Trắng GD 2A sản lượng đạt 200 triệu m3 khí, và (3) giá dầu trung bình năm 2021 đạt mức 68 USD/thùng (+36% yoy).
- BSC dự báo **DTT và LNST của GAS năm 2022 lần lượt đạt 87,312 tỷ VND (+16% yoy) và 11,635 tỷ VND (+20% yoy)**, EPS FW = **6,079 VND/CP** với giả định (1) Giá dầu trung bình năm 2022 đạt 72 USD/thùng (+7% yoy); (2) Mỏ Sư Tử Trắng GD 2A sản lượng đạt 500 triệu m3 khí; và (3) mảng LPG duy trì sản lượng 2.1 triệu tấn.

Quan điểm đầu tư

- Giá dầu năm 2021 duy trì quanh mức 70 USD/thùng giúp cải thiện lợi nhuận của GAS.
- Mỏ khí Sư Tử Trắng giai đoạn 2A đi vào khai thác từ tháng 6/2021, bổ sung khoảng 500 triệu m3 khí vào sản lượng của GAS hàng năm.
- Mảng LNG là động lực tăng trưởng dài hạn, giúp CP GAS được đánh giá lại.

Rủi ro

- Các sự cố thượng nguồn khiến các lô/mỏ phải giảm/dừng cấp khí ngoài kế hoạch
- Các dự án mỏ khí trọng điểm bị chậm tiến độ.

Cập nhật doanh nghiệp

- Trong 6M2021, GAS ghi nhận **DTT = 40,272 tỷ VND (23% yoy)** nhờ giá dầu nhiên liệu (+80% yoy) và LPG (+72% yoy) tăng đáng kể trong quý 2. Mặc dù vậy, lợi nhuận từ HĐ tài chính giảm 55% yoy, cùng với việc chi phí SG&A tăng 46% khiến **LNST chỉ đạt 4,359 tỷ VND (+4% yoy)**.
- Dự án LNG Thị Vải thi công đúng tiến độ, dự kiến hoàn thành vào Q4/2022.

	2020	2021E	Peer	VN-Index		2019	2020	2021E	2022F
PE (x)	18.2	17.6	16.9	17.2	Doanh thu	75,005	64,135	74,989	87,313
PB (x)	3.4	3.5	3.2	2.7	Lợi nhuận gộp	16,919	11,406	14,992	17,860
PS (x)	2.6	2.3	1.7	2.2	Lợi nhuận sau thuế	11,902	7,855	9,682	11,635
ROE (%)	16.0	18.5	15.0	16.1	EPS	6,142	4,028	5,059	6,079
ROA (%)	12.6	14.2	7.0	2.6	Tăng trưởng EPS	4%	-34%	23%	20%
EV/ EBITDA (x)	12.9	18.1	9.5	16.1	Nợ ròng/ VCSH	25%	28%	31%	33%

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Trong 6M2021, GAS ghi nhận **DTT = 40,272 tỷ VND (23% yoy)** và **LNST = 4,359 tỷ VND (4% yoy)**, lần lượt hoàn thành 57% và 62% kế hoạch cả năm. Trong đó:

- Sản lượng khí âm khai thác đạt 4,168 triệu m3 (-13% yoy)
- Sản lượng khí khô phân phối đạt 4,034 triệu m3 (-13% yoy)
- Sản lượng LPG phân phối đạt 1,023 nghìn tấn (+11% yoy)

Doanh thu của GAS tăng trưởng mạnh nhờ **giá dầu nhiên liệu (+80% yoy)** và **LPG (+72% yoy)** tăng đáng kể trong quý 2. Mặc dù vậy, lợi nhuận từ HĐ tài chính giảm 55% yoy, cùng với việc CP bán hàng và CP QLDN tăng lần lượt 16% yoy và 120% yoy, khiến LNST 6M2021 chỉ còn tăng 4% yoy.

Bảng 1: Cập nhật KQKD của GAS 6M2021

(tỷ đồng)	Q2/2020	Q2/2021	% yoy	6M2020	6M2021	% yoy
Doanh thu thuần	15,627	22,702	45%	32,688	40,272	23%
Lợi nhuận gộp	2,402	3,782	57%	5,831	7,052	21%
CP bán hàng	-443	-491	11%	-884	-1,025	16%
CP QLDN	-167	-438	162%	-359	-791	120%
EBIT	1,792	2,853	59%	4,588	5,236	14%
DT tài chính	402	204	-49%	779	468	-40%
CP tài chính	-34	-113	232%	-117	-169	44%
LNTT	2,161	2,933	36%	5,246	5,570	6%
LNST	1,713	2,301	34%	4,179	4,359	4%
Sản lượng tiêu thụ:						
Khí khô (mm3)	2,357.5	2,047	-13%	4,773	4,072.6	-15%
LPG (1000T)	490.9	549.8	12%	917.1	1,022.9	12%
Condensate (1000T)	15.8	14.7	-7%	31.0	30.8	-1%

Nguồn: GAS, BSC Research

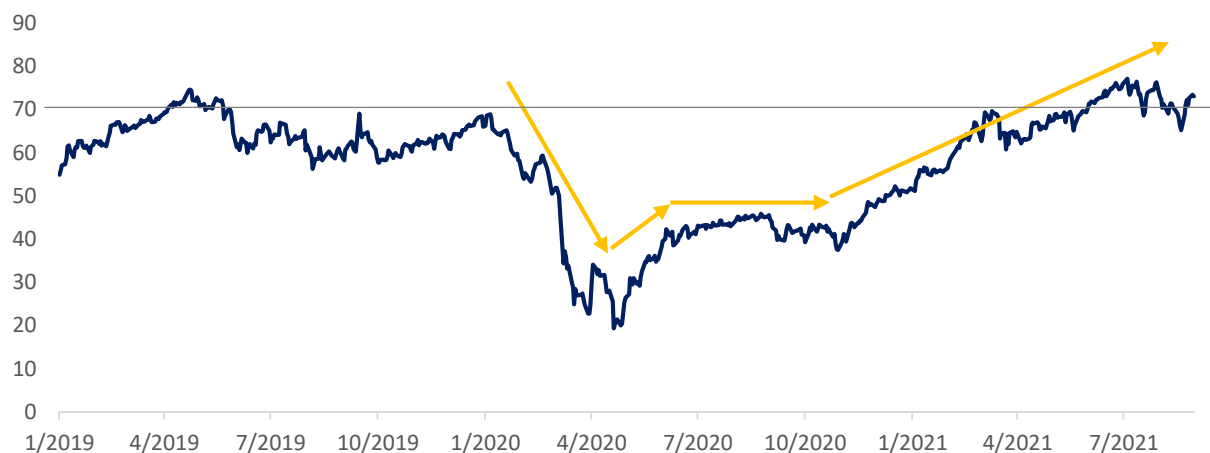
GAS đã ký hợp đồng với PTSC để lưu trữ và vận chuyển LPG lạnh tại khu vực phía Bắc. Theo đó, GAS dự kiến sẽ tập trung phát triển thị trường tiêu thụ LPG tại khu vực Bắc bộ để đáp ứng nhu cầu năng lượng của thị trường khu vực và giảm sự phụ thuộc vào nguồn LPG nhập khẩu. Chúng tôi kỳ vọng, hoạt động tích trữ LPG của GAS trong bối cảnh giá khí tăng cao sẽ giúp cải thiện KQKD của công ty trong năm 2021.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

(1) Mặt bằng giá dầu thế giới ở mức cao trong năm 2021 sẽ là yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ cho lợi nhuận của GAS.

Giá dầu (Brent) đã hồi phục mạnh kể từ đầu năm 2021, và đã vượt mốc 70 USD/thùng trong quý 2 nhờ nền kinh tế hồi phục và nguồn cung dầu thắt chặt. Trong 05 tháng liên tiếp kể từ tháng 06/2020, giá dầu đi ngang trong vùng 40-45 USD/thùng. Tuy vậy, giá dầu Brent đã tăng liên tiếp 08 tháng từ đầu tháng 11/2020, vượt ngưỡng cản 70 USD/thùng, xác lập một đà tăng mới nhờ nhu cầu cải thiện và nguồn cung thắt chặt.

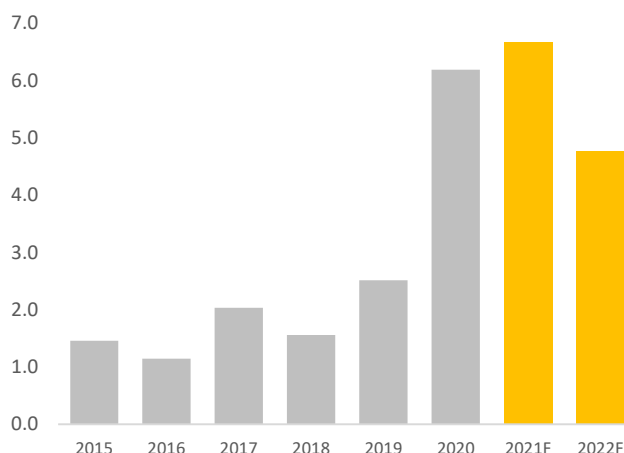
Hình 1: Giá dầu Brent hồi phục mạnh trong năm 2021



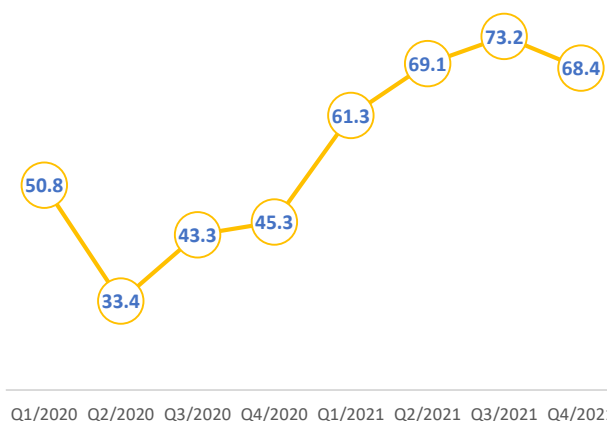
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Tuy nhiên, đà tăng của giá dầu có thể bị chững lại bởi kế hoạch tăng sản lượng của OPEC+. Vào tháng 07/2021, **nhóm OPEC+ đã thống nhất tăng sản lượng 400.000 thùng/ngày** mỗi tháng tới hết năm 2021, và đặt mục tiêu khôi phục toàn bộ mức cắt giảm hiện tại 5,8 triệu thùng/ngày vào tháng 9/2022. BSC đánh giá hành động này sẽ giúp **nguồn cung dầu thế giới ổn định hơn, và góp phần bình ổn giá dầu**, khi nhu cầu dầu hồi phục cùng với các hoạt động sản xuất kinh doanh hậu đại dịch. Do đó, chúng tôi lạc quan **nâng mức giá dầu trung bình lên 68 USD/thùng** để làm kịch bản cơ sở cho dự phóng năm 2021.

Hình 2: OPEC dự kiến tăng sản lượng tới năm 2022



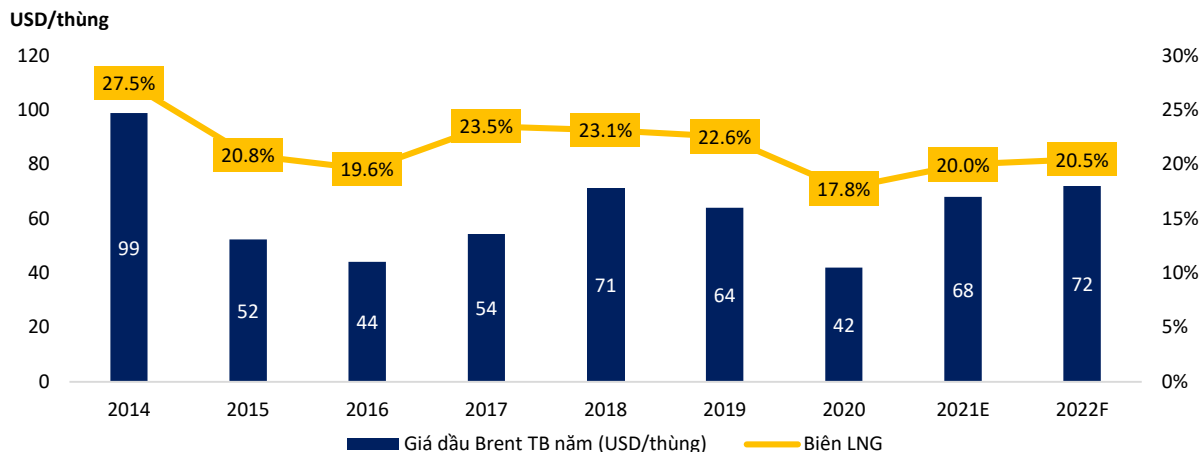
Hình 3: Dự báo diễn biến giá dầu năm 2021



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá dầu tỷ lệ thuận với lợi nhuận của GAS. Giá dầu MFO (cơ sở xác định giá bán khí khô) và giá CP Aramco (cơ sở xác định giá bán LPG) biến động theo giá dầu Brent. Do đó, triển vọng phục hồi khả quan của giá dầu Brent có tác động tích cực lên các mảng hoạt động chính của GAS như mảng khí khô và mảng LPG. Bên cạnh đó, chúng tôi nhận thấy, biên LN gộp của GAS có xu hướng cải thiện rõ rệt vào những năm giá dầu Brent tăng. Do đó, **BSC kỳ vọng biên LN gộp của GAS trong năm 2021 sẽ cải thiện lên mức 20%** (tăng 2.2 điểm% so với năm 2020), với giả định giá dầu trung bình năm đạt 68 USD/thùng (+60% yoy).

Hình 4: Biên LNG của GAS được cải thiện khi giá dầu tăng

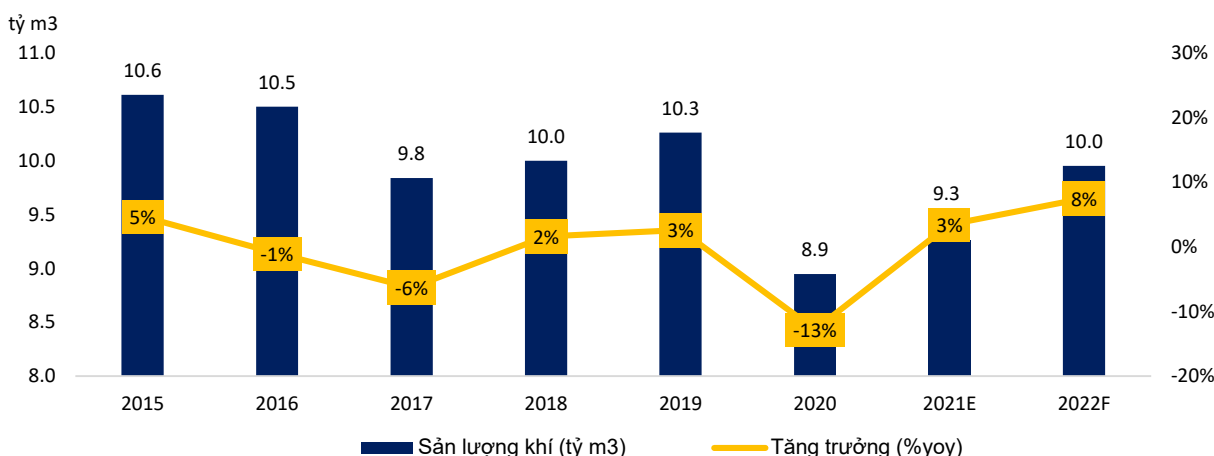


Nguồn: PV GAS, BSC Research

(2) Nguồn khí từ mỏ Sư Tử Trắng giai đoạn 2A sẽ bổ sung khoảng 500 triệu m3 khí/năm vào sản lượng của GAS trong giai đoạn 2022 – 2025.

Trong quý 2/2021, **GAS công bố đón nhận dòng khí đầu tiên từ dự án Sư Tử Trắng giai đoạn 2A**, bổ sung nguồn khí từ bể Cửu Long cho các hộ tiêu thụ hiện nay ở khu vực Đông Nam Bộ. Với sản lượng bao tiêu khoảng hơn 14 tỷ bộ khối khí/năm và có thể kéo dài cho đến năm 2025, chúng tôi ước tính nguồn khí từ mỏ này có thể đóng góp thêm khoảng 500 triệu m3 khí/năm (gần 6% sản lượng hàng năm của GAS).

Hình 5: Sản lượng khí âm dự kiến cải thiện kể từ năm 2022



Nguồn: PV GAS, BSC Research

Bên cạnh mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt mới được khai thác vào cuối năm 2020 (tham khảo [Báo cáo gần nhất](#)), mỏ Sư Tử Trắng giai đoạn 2A sẽ là nguồn bổ sung quan trọng, giúp giảm bớt một phần tình trạng thiếu hụt nguồn cung khí trong bối cảnh các mỏ hiện hữu tại bể Nam Côn Sơn đang dần cạn kiệt. BSC kỳ vọng, **mỏ Sư Tử Trắng GD 2A ước tính sẽ đem lại khoảng 3,000 tỷ VND doanh thu và 800 tỷ VND lợi nhuận gộp cho GAS.**

Phát triển các mỏ khí tự nhiên là cấp thiết trong bối cảnh nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng tại Việt Nam. Theo Dự thảo Quy hoạch Điện 8, nhu cầu về điện được dự báo sẽ tăng trưởng 8-9% mỗi năm giai đoạn 2021 – 2030. Trong đó, nhiệt điện khí dự kiến sẽ chiếm 20% tổng công suất hệ thống vào năm 2030 (từ mức 15% hiện tại), sau đó tăng lên 25% tổng công suất vào năm 2045. GAS đang trong giai đoạn đầu tư để tạo tiền đề cho sự phát triển trong dài hạn của công ty, trong đó **các dự án khai thác khí trọng điểm (Lô B, Cá Voi Xanh...)** sẽ là động lực tăng trưởng chính. (Về tiến độ các mỏ khí đang phát triển, tham khảo [Báo cáo gần nhất](#))

(3) Mảng LNG là động lực tăng trưởng dài hạn cho GAS

Mảng LNG sẽ trở thành động lực tăng trưởng dài hạn cho GAS trong bối cảnh nhu cầu khí cao, nguồn khí thiếu hụt. BSC đánh giá ngành nhiệt điện khí Việt Nam sẽ phụ thuộc vào nguồn LNG nhập khẩu trong các năm tới do (1) nguồn cung khí trong nước sụt giảm, trong khi đó (2) tổng lượng khí cần cho sản xuất điện dự kiến tăng bình quân 14%/năm trong giai đoạn 2020 – 2030. Vì vậy, tỷ trọng LNG nhập khẩu trong cơ cấu nguồn phát điện dự kiến sẽ tăng dần và từ 0% lên 8.5% trong giai đoạn này (Tham khảo Báo cáo triển vọng ngành).

Bảng 2. Một số dự án LNG ở Việt Nam giai đoạn 2021 – 2035

Dự án	Thời điểm vận hành	Công suất (triệu tấn)	Chủ đầu tư
Kho LNG Thị Vải	2022 – 2025	1 – 3	PV GAS
Kho LNG Hòn Khoai (Cà Mau)	2022 – 2025 (GĐ1)	1 (GĐ1)	
	Sau 2025 (GĐ2)	2 (GĐ2)	
Kho LNG Sơn Mỹ (Bình Thuận)	2023 – 2025 (GĐ1)	1 – 3 (GĐ1)	PV GAS
	2027 – 2030 (GĐ2)	3 (GĐ2)	
	2031 – 2035 (GĐ3)	3 (GĐ3)	
Kho LNG Đông Nam Bộ (Tiền Giang)	2022 – 2025	4 – 6	
Kho LNG nổi (FSRU) Thái Bình	2026 – 2030	0.2 – 0.5	
Kho LNG Cát Hải (Hải Phòng)	2030 – 2035	1 – 3	ExxonMobil
Kho LNG Nam Vân Phong (Khánh Hòa)	2030 – 2035	3	Petrolimex
Kho LNG Hải Linh (Vũng Tàu)	2021 – GĐ1	2 – 3 (GĐ1)	Công ty TNHH Hải Linh
	2023 – 2025 (GĐ2)	6 (GĐ2)	

Nguồn: Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam, BSC Research

Công tác đầu tư xây dựng đang được GAS triển khai khá tích cực, trong đó Dự án kho chứa LNG 1 triệu tấn tại Thị Vải đã hoàn thiện thi công và nâng mái bồn chứa, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2022 theo đúng tiến độ đề ra. Tổng giá trị giải ngân cho công tác đầu tư xây dựng 6 tháng đầu năm toàn GAS đạt 3.327 tỷ VND, nếu không tính dự án đường ống khí Lô B-Ô Môn (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đang điều hành) thì kết quả giải ngân của công ty đạt 136% kế hoạch nửa đầu năm.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự phóng DTT và LNST CĐ Công ty mẹ năm 2021 của GAS lần lượt đạt **74,989 tỷ VND (+17% yoy)** và **9,682 tỷ VND (+23% yoy)**, tương đương EPS FW = **5,059 VND/CP** dựa trên các giả định:

- Sản lượng khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt năm 2021 đạt 1.5 tỷ m³ khí/năm
- Mỏ Sư Tử Trắng GĐ 2A sản lượng đạt 200 triệu m³ khí
- GAS sản xuất và phân phối 9.1 tỷ m² khí khô (+1% yoy), 2.1 triệu tấn LPG (+5% yoy) và 62 ngàn tấn condensate (+6% yoy)
- Giá dầu Brent trung bình năm 2021 là 68 USD/thùng (+62% yoy).

Cho năm 2022, BSC dự báo DTT và LNST của GAS lần lượt đạt 87,312 tỷ VND (+16% yoy) và 11,635 tỷ VND (+20% yoy), EPS FW = 6,079 VND/CP với giả định (1) Giá dầu trung bình năm 2022 đạt 72 USD/thùng (+7% yoy); (2) Mỏ Sư Tử Trắng GĐ 2A sản lượng đạt 500 triệu m³ khí; và (3) mảng LPG duy trì sản lượng 2.1 triệu tấn.

Bảng 3: Dự phóng KQKD của PVS

Đv: Tỷ VND	2019	2020	2021E	2022F
Doanh thu thuần	75,005	64,135	74,989	87,313
Lợi nhuận gộp	16,919	11,406	14,992	17,860
Biên LN gộp	23%	18%	20%	20%
CP bán hàng	-2,394	-1,943	-2,269	-2,631
CP QLDN	-875	-769	-849	-989
EBIT	13,648	8,682	11,869	14,241

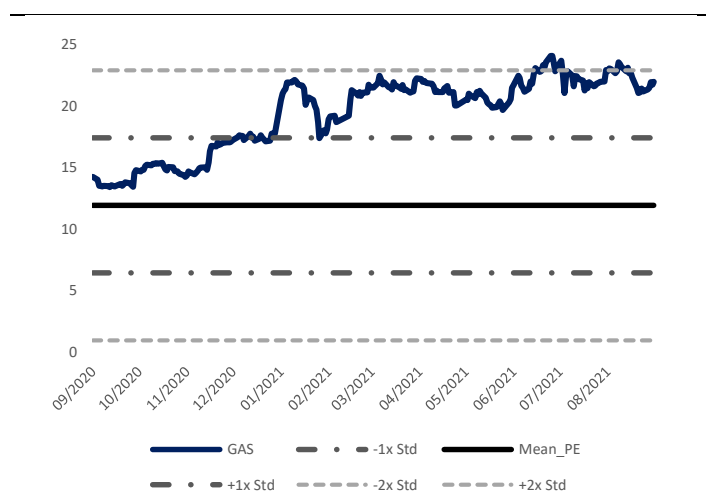
DT tài chính	1,665	1,451	806	1,086
CP tài chính	-241	-169	-353	-510
Thu nhập khác	-4	14	28	23
LNTT	15,068	9,978	12,350	14,841
LNST	12,086	7,972	9,880	11,873
<i>Biên LNST</i>	<i>16%</i>	<i>12%</i>	<i>13%</i>	<i>14%</i>
EPS	6,142	4,028	5,059	6,079

Nguồn: GAS, BSC Research

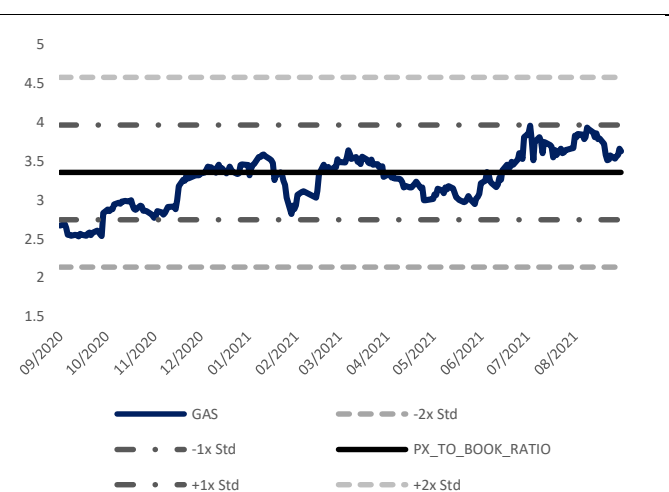
ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

BSC duy trì khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu GAS với giá trị hợp lý năm 2022 là **109,400 VND/CP** (upside 21% so với giá đóng cửa ngày 31/08/2021 là 90,400 VND/CP), tương đương với mức P/E mục tiêu 18x. Chúng tôi vẫn lạc quan về triển vọng của GAS trong những năm tới nhờ vào vị thế đầu ngành trong việc xử lý, phân phối khí mỏ, xu hướng hồi phục của giá dầu, và triển vọng mảng LNG trong dài hạn. Rủi ro giảm giá đến từ giá dầu thấp hơn dự kiến và sự chậm trễ trong việc phát triển các mỏ khí trọng điểm.

Stock PE



Stock PB



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

QUAN ĐIỂM KỸ THUẬT

Giá mục tiêu 97

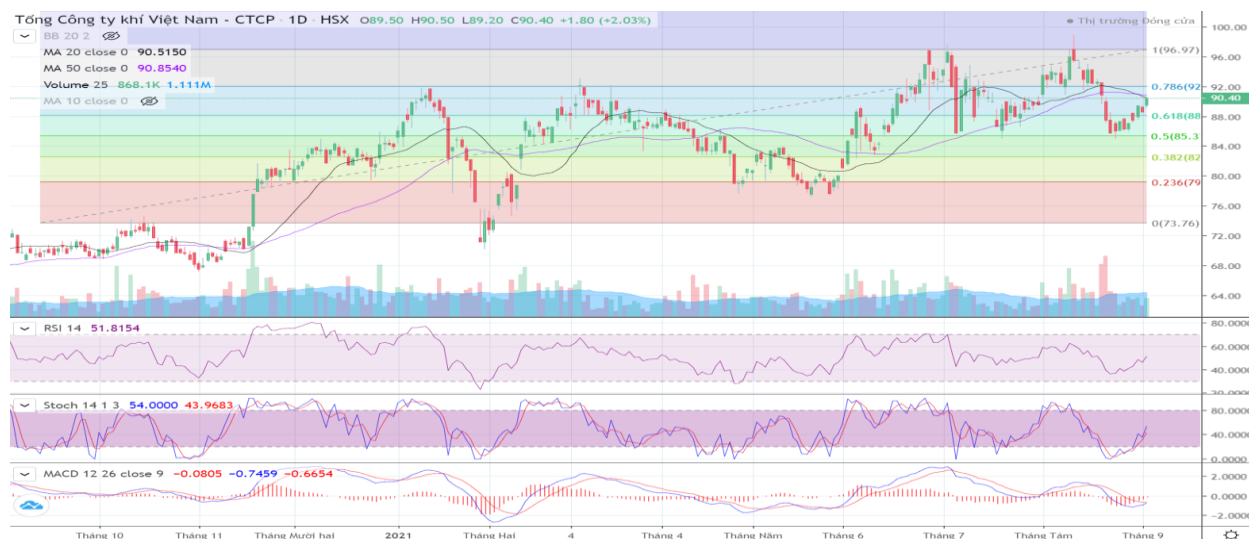
Giá cắt lỗ 88

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: vận động tích lũy kéo dài
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD nằm dưới đường tín hiệu, chênh lệch giảm.
- Chỉ báo RSI: tiến lên vùng quá mua.

Nhận định: GAS đang tiếp tục vận động tích lũy trung hạn quanh giá 85-95. Thanh khoản GAS tăng vừa phải tại những phiên tăng điểm gần đây, dưới trung bình 20 phiên, cho thấy GAS vẫn chưa hấp dẫn dòng tiền sau giai đoạn giảm mạnh trong tháng 8. RSI tiến lên vùng trung lập sau khi lùi xuống vùng bán, phản ánh vận động phục hồi ngắn hạn. Đồng thời, MACD cũng đang hình thành giao cắt vàng, ủng hộ vận động tăng. Đường giá GAS tiếp cận đường MA20, MA50. Vận động phục hồi khả năng được duy trì nếu GAS vượt giá 91.

Khuyến nghị: Nhà đầu tư nên tiếp tục theo dõi và cân nhắc mở vị thế nếu vượt giá 91, chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 97. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 88.



Nguồn: BSC, PTKT iTrade

PHỤ LỤC

	2019	2020	2021E	2022F		2019	2020	2021E	2022F
Doanh thu thuần	75,005	64,135	74,989	87,313	(Lỗ)/LNTT	15,068	9,978	12,350	14,841
Giá vốn hàng bán	-58,087	-52,729	-59,996	-69,453	Khấu hao	2,566	2,406	2,583	2,630
Lợi nhuận gộp	16,919	11,406	14,992	17,860	Thay đổi VLĐ	-4,511	-4,939	-4,066	-5,399
Chi phí bán hàng	-2,394	-1,943	-2,269	-2,631	Điều chỉnh khác	-443	-114	169	246
Chi phí QLDN	-875	-769	-849	-989	LCTT từ HĐ KD	12,681	7,330	11,036	12,317
Lãi/lỗ HĐKD	13,649	8,694	11,874	14,241	Tiền chi mua TSCĐ	-2,690	-4,174	-2,250	-5,239
Doanh thu tài chính	1,665	1,451	806	1,086	Tiền từ đầu tư khác	-3,504	4,246	-1,211	281
Chi phí tài chính	-241	-169	-353	-510	LCTT từ HĐ Đầu tư	-4,722	99	-3,461	-4,958
Chi phí lãi vay	-198	-101	-271	-364	Tiền chi trả cổ tức	-8,230	-6,850	-5,742	-6,699
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-1	-11	-5	0	Vay ròng	-1,950	182	2,446	639
Lãi/lỗ khác	-4	14	28	23	Tiền thu khác	0	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	15,068	9,978	12,350	14,841	LCTT từ HĐ Tài chính	-10,188	-6,668	-3,296	-6,060
Thuế thu nhập DN	-2,983	-2,037	-2,470	-2,968	Dòng tiền đầu kỳ	6,706	4,476	5,237	9,517
LN sau thuế	12,086	7,972	9,880	11,873	Tiền trong kì	-2,229	761	4,280	1,300
CĐTS	183	117	198	237	Dòng tiền cuối kỳ	4,476	5,237	9,517	10,817
LNST - CĐTS	11,902	7,855	9,682	11,635					
EBITDA	10,957	5,991	8,947	11,249					
EPS	6,142	4,028	5,059	6,079					

	2019	2020	2021E	2022F		2019	2020	2021E	2022F
Tiền và tương đương tiền	4,476	5,237	9,517	10,817	KN thanh toán				
Đầu tư ngắn hạn	24,915	21,613	24,435	25,846	Hổ TT ngắn hạn	3.33	2.88	2.85	2.68
Phải thu ngắn hạn	10,359	10,239	10,143	12,470	Hổ TT nhanh	3.20	2.76	2.74	2.55
Tồn kho	1,575	1,663	1,850	2,427	Cơ cấu vốn				
TS ngắn hạn khác	491	720	578	679	Hổ Nợ/TTS	20%	22%	23%	25%
TS ngắn hạn	41,815	39,472	46,525	52,240	Hổ Nợ/VCSH	25%	28%	31%	33%
TS hữu hình	48,514	54,739	54,811	55,472	Năng lực hoạt động				
Khấu hao	-33,076	-35,404	-38,296	-41,253	Số ngày HTK	11.51	11.68	11.12	11.71
TS dở dang dài hạn	3,021	2,303	4,453	9,001	Số ngày phải thu	22.68	29.21	24.96	23.77
Đầu tư dài hạn	405	379	417	459	Số ngày phải trả	14.48	15.86	14.42	14.72
TS dài hạn khác	937	1,096	1,151	1,208	CCC	19.72	25.02	21.66	20.77
TS dài hạn	20,363	23,736	23,186	25,571	Tỉ suất lợi nhuận				
Tổng TS	62,179	63,208	69,711	77,811	Lợi nhuận gộp	23%	18%	20%	20%
Phải trả ngắn hạn	1,914	2,677	2,080	3,569	Lợi nhuận LNST	16%	12%	13%	14%
Vay ngắn hạn	1,341	1,017	1,500	1,746	ROE	24%	16%	19%	20%
Nợ ngắn hạn khác	6,710	6,055	6,839	7,708	ROA	19%	13%	14%	15%
Tổng Nợ ngắn hạn	9,964	9,749	10,418	13,022	Định Giá				
Vay dài hạn	1,456	1,964	3,928	4,321	PE	15.1	21.1	17.67	14.7
Nợ dài hạn khác	939	1,803	1,978	2,170	PB	3.6	3.4	3.5	3.5
Tổng Nợ dài hạn	2,600	3,960	5,906	6,491	Tăng trưởng				
Tổng Nợ	12,564	13,709	16,324	19,513	Tăng trưởng DTT	-1%	-14%	17%	16%
Vốn góp	19,140	19,140	19,140	19,140	Tăng trưởng EBIT	-1%	-36%	37%	20%
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	Tăng trưởng LNNT	4%	-34%	24%	20%
LN chưa phân phối	10,109	10,029	13,422	17,739	Tăng trưởng EPS	4%	-34%	23%	20%
Vốn chủ khác	19,258	19,267	19,564	19,920					
Cổ đông thiểu số	1,108	1,064	1,262	1,499					
Tổng Vốn chủ sở hữu	49,615	49,500	53,387	58,298					
Tổng nguồn vốn	62,179	63,208	69,711	77,811					
Số CP lưu hành (triệu)	1,914	1,914	1,914	1,914					

Nguồn: GAS, BSC Research

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

